

Bài 74. Kinh Tăng Chi | Chương Bốn pháp | Phẩm Bhandagana (tt) | Sư Giác Nguyên giảng 18/6/18

Hôm qua chúng ta học về bốn hạng người.

Hạng thứ nhất là hạng xuôi dòng đời mà sống. Cứ chạy theo cái thích, trốn né cái ghét. Đó là kiểu sống xuôi theo dòng đời. Gọi là xuôi vì đây là kiểu sống không cần cố gắng. Là kiểu sống của trẻ con, của người mất trí, của loài súc vật, của người say xỉn, loài bàng sanh, sống mà không cần nỗ lực. Cứ buông trôi thả nổi vậy, tới đâu thì tới.

Hạng thứ hai, ngược dòng đời mà sống. Là loại người có cái gan, cái dũng khí đi ngược lại lối mòn, ngược lại thói quen thường nhật, thói quen của đồng loại, của đám đông. Thường thì chúng ta dễ bị đám đông quyến rũ lắm, quý vị. Mà kẻ anh hùng, thiên tài, bậc cái thế, trùm đời, tay cự phách, ngón tay cái, phải là kẻ dám đi ngược dòng đời, dám chối bỏ lối mòn, dám nghi ngờ con đường dưới chân mình. Đây chính là hạng phàm phu hữu học bậc thấp.

Hạng thứ ba là người đứng lại, tức A-na-hàm, Bất lai, không còn chỗ trở lại. Vị này lui thì không được mà tiến tới thì chưa đủ duyên, nên vị A-na-hàm được gọi là người đứng lại.

Còn vị A-la-hán là vị đã “qua bờ bên kia”, đã vượt qua dòng nước sanh tử, tiếng Pali gọi là tinno. Đã qua bờ kia gọi là parangato.

Bài kinh số 6: Học hỏi ít

Bài kinh này rất quan trọng. Trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật ngài dạy trên đời này có hai hạng người: hạng thứ nhất như cái muỗng trong nồi canh, hạng thứ hai giống như cái lưới trong miệng mình.

Hạng thứ nhất khả năng tiếp nhận của họ như cái muỗng trong nồi canh. Hạng thứ hai khả năng tiếp nhận của họ giống như cái lưỡi trong miệng. Nghĩa là sao?

Thế giới này có bao nhiêu thứ để mình nhìn ngắm, lắng nghe, cảm nhận, thẩm thía, học hỏi, tiêu hóa. Tuy nhiên, tùy thuộc vào thể trạng mỗi người mà có kẻ sợ ngọt, có người sợ mặn, có người sợ đắng, có người sợ chua. Cũng tùy vào sở thích, tùy vào thể trạng, vào sức khỏe mà có người ăn chua vào có vấn đề, ăn ngọt vào có vấn đề, ăn đồ mặn quá, đồ nguội lạnh, đồ nóng quá cũng có vấn đề. Đó là nói về vật chất. Tức là chuyện thứ nhất là thích hay không thích, thứ hai là thể trạng cho phép hay không.

Về tâm linh cũng vậy. Trên đời có biết bao nhiêu chuyện để chúng ta học hỏi, trau dồi, thẩm thía, tiêu hóa. Tuy nhiên, tùy vào não trạng mỗi người, tùy vào căn cơ, khuynh hướng, sở tánh của mỗi người mà chúng ta có khả năng tiếp nhận được bao nhiêu. Người không có khả năng tiêu hóa, không có khả năng thẩm thía thì học cho nhiều, nó vô cũng nằm ì ở đó, không chuyển hóa thành nguồn năng lượng cần thiết mà cứ nằm lì ở đó.

Tôi nói không biết bao nhiêu lần: văn hóa ẩm thực mình có vấn đề nặng lắm. Thí dụ mình thương ai, mình cho ăn đồ bổ; có tiền là đê ra cho ăn đồ bổ. Âu Mỹ không kỳ cục như vậy. Âu Mỹ, giàu nghèo, thương ghét là chuyện khác. Mà chuyện đầu tiên, người ta chỉ mời người kia ăn món người ta thích; hai là ăn món người kia cần. Lâu lâu gặp nhau cho uống chút gì, ăn chút gì vui. Còn lâu dài thì họ sẽ cho mình ăn gì mình cần thiết.

Bà mẹ nuôi con, người lớn nuôi con nít, trẻ nuôi người già, người khỏe nuôi người bệnh, họ cứ nhắm cơ thể người kia cần cái gì thì cho ăn cái đó. Còn cách của mình thì cứ đê đồ bổ ra tổng vô, nhiều khi nó vô mà không tiêu hóa. Nó vô mà nó biến thành hại nhiều hơn lợi.

Tôi nói một vòng, tôi quay lại để xác định một điều tôi muốn giải thích trong kinh này là đừng có tưởng tượng một đồng vô trong bụng là hay. Giống như cái đầu của

mình, không phải học nhiều là hay. Bởi vì ở đây Ngài dạy rằng có nhiều kẻ học nhiều nhưng thu hoạch ít. Rồi có kẻ học ít nhưng thu hoạch nhiều. Nhớ nhe, ở đây có hai hạng như vậy.

Nói theo nguyên văn tiếng Việt của ngài Minh Châu thì: “Cái hạng thứ nhất nghe ít mà cái điều được nghe không khởi lên. Hạng thứ hai nghe ít mà điều được nghe khởi lên. Cái thứ ba nghe nhiều mà điều được nghe không khởi lên. Cái thứ tư nghe nhiều mà điều được nghe có khởi lên”.

Mình nói rõ hơn, thay đổi trật tự cho dễ nhớ theo cách nói của mình là:

1. Nghe nhiều mà thu hoạch ít.
2. Nghe ít mà thu hoạch nhiều.
3. Nghe nhiều, thu hoạch nhiều.
4. Nghe ít, thu hoạch ít.

Có biết bao nhiêu người học đạo giải thoát, đạo vô ngã vị tha, xả kỷ, buông bỏ của Phật, nhưng khổ thay, họ học một trang là họ thấy mình giỏi một trang. Họ học một chương là họ thấy mình giỏi một chương. Họ đọc được một quyển, một bộ, một tạng, bèn thấy ta giỏi, ta hay. Cái đó là đi ngược lại bản hoài, tôn ý của Thế Tôn và chư Phật ba đời mười phương.

Vì tất cả chư Phật ba đời mười phương, tất cả hiền Thánh đều nhắm đến lý tưởng cao nhất trong việc học Đạo, hiểu Đạo, hành Đạo, đó là học để buông, cứu cánh giải thoát. Không phải tu hành để đắc cái gì, để được cái gì. Mà rốt ráo là anh buông được cái gì. Khi anh buông được cái gì thì tự nhiên trong tay anh có thứ khác. Anh đừng có lo, đừng đặt vấn đề là tôi sẽ được cái gì. Tu hành mà đặt vấn đề sẽ được cái gì là coi như chết từ bước khởi hành!

Khi học bằng lý tưởng là để bỏ đi cái cần bỏ, tu thiền là nhắm tới chuyện tu để bỏ bớt cái gì. Giới-Định-Tuệ tất cả đều nhắm đến chuyện bỏ cái gì, thì tu học bằng lý tưởng như vậy đó là học bao nhiêu bổ dưỡng bấy nhiêu. Còn khi học với tâm niệm

ngược lại bản hoài, tôn ý của Thế Tôn, của chư Phật ba đời mười phương thì học cho một đồng chỉ bị bội thực thôi. Nhớ nhe!

Kinh Xà Dụ, hoặc Kinh Ví Dụ Con Rắn ở Trung Bộ, các vị tìm coi trong đó Đức Phật dạy có bao nhiêu cách để học Đạo:

Cách một, học như người giữ kho. Chặt như núi vậy.

Cách hai, học như người bắt rắn.

Cách ba, học để giải thoát.

Học như người bắt rắn là sao? Là học một cách nguy hiểm. Mà tình trạng này mình bắt gặp ở người học Đạo thời nay rất nhiều. Tiếng Pali là alagaddupamasutta.

Kinh Ví Dụ Con Rắn, Ngài nói rất rõ có bao nhiêu kiểu học Đạo. Từ chỗ này, học kinh này phải nhớ kinh kia, mình nhớ là đời này trong chuyện học hỏi có hai loại người. Thứ nhất là hạng người như cái lưỡi, thứ hai là như cái muỗng trong nồi canh.

Cái muỗng trong nồi canh thì nằm chung chạ, cọ xát với món ăn, nhưng muôn đời nó không biết gì về hương vị món ăn. Còn cái lưỡi trong miệng, tuy nó xa cách với cái nồi, khi nào mình múc vô nó mới biết. Nhưng có điều, cái lưỡi có cái hay là cây trái trong rừng, trong vườn, lát nữa đây cái lưỡi nó biết; thức ăn trong nồi, trong chảo, trong bếp, lát nữa đây nó biết. Có điều kiện là cái lưỡi nó biết.

Còn cái muỗng nằm trong nồi, trong chảo thì muôn thuở nó không biết gì hết. Bởi vì có những cái nào trạng nó chỉ vừa đủ để làm cái muỗng thôi, quý vị nghe, nhớ nghe!

Có những cái nào trạng nó chỉ vừa đủ để biến ta thành ra cái muỗng thôi. Có nghĩa là múc tùm lum, múc tô này qua tô kia, toàn là múc cho người ta không mà riêng mình thì trượt quớt.

Cũng trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật còn nói một trường hợp nữa là học Đạo kiểu như người chăn bò. Bò là bò của chủ, mình chỉ là người chăn. Buổi sáng mình nhận của chủ 32 con, buổi chiều về mình giao lại cho chủ đúng 32 con rồi cuối tháng lấy

lượng, xong! Mấy cái da bò, thịt bò, sữa bò... lung tung bò gì đó, hoàn toàn mình không biết gì hết. Mình chỉ biết sáng nhận 32, chiều trả 32, cuối tháng nhận lương. Đó là câu kệ Pháp Cú số 19, 20.

Còn một ví dụ nữa đáng để xăm lên mình. Thờ Phật trong lòng giống như khiêng người trên kiệu. Chiếc kiệu càng nhẹ thì ta càng dễ khiêng và dễ đi xa. Thờ Phật mà với tinh thần không giống Phật thì càng thờ càng nặng lòng, như khiêng kiệu rẻ tiền càng đi càng nặng vai, nặng tay.

Có nghĩa là có nhiều người quy y, có pháp danh, có áo lam, thậm chí cạo đầu xuất gia, nhưng họ cứ mang trong lòng họ quá nhiều thứ đi ngược lại tinh thần của Phật. Cho nên tu càng lâu, học Đạo càng nhiều vẫn không có giải thoát, mà nó lại thêm một kiểu phiền não nặng mùi nhang khói. Nghe. Nhớ cái vụ này nghe!

Còn trong khi mình thờ Phật đúng cách thì giống như mình khiêng kiệu. Ai đó khiêng bằng cái kiệu đắt tiền, cái kiệu bằng vật liệu nhẹ nhàng thì mình khiêng được đi xa, mà mình là người khiêng cũng thấy thoải mái. Cái kiệu càng nặng thì mình càng khó đi xa được. Cái này quan trọng lắm. Sau bài giảng này cứ nhớ luôn tâm niệm: “Tôi thờ Phật giống như tôi khiêng Ngài trong kiệu. Kiệu của tôi phải nhẹ, tức là hạn chế tối đa những gì không cần thiết”.

Tôi không biết trong room có ai còn nhớ thời bao cấp trong nước. Cái thời mình xài xe đạp, xe Trung Quốc, Phượng Hoàng, rất nặng đạp. Rồi xe Cửu Long của Việt Nam mà đùm, sên, cãm, líp đều là đồ nội hóa, hườn hườn là gãy, rảnh rảnh là nó cong, nó hư. Nó rất nặng đạp. Đi đường trường là le lười, nói chi lên dốc, nói chi chở người, chở vật nặng. Tôi nhớ cái thời đó. Những người chở tôi hì hà hì hục là bởi chiếc xe dờm đó, quý vị. Nên cái hành trình nó nặng nề, nó lê thê, vất vả lắm!

Thờ Phật cũng vậy. Khi mình thờ Phật bằng cái tâm trạng, bằng cái não trạng đi ngược lại lời Phật; Phật dạy “buông được thì buông”, còn mình coi như chất lên được thì chất, gánh được thì gánh, cãm được thì cãm, mang vác trước ba lô, sau ba lô,

chung quanh mình cũng là ba lô. Còn dưới chân mình cũng là đôi giày không đúng cách mang thiết là nặng, có người mang dép râu nữa. Còn cái nón thì không phải nón nhẹ, mát, chống nắng, mà cứ thích chất lên đầu càng nặng càng tốt.

Các vị nào ở miền Trung chắc biết áo tơ. Cái áo làm bằng lá che mưa khi đi làm đồng. Cũng là áo mưa mà có cái áo mặc vào nhẹ như không, vừa đi vừa chơi. Chớ còn cái áo tơ đó, cho tôi tiền tôi cũng không dám mặc trên phố. Nó vừa nặng, vừa xấu, vừa kỳ cục. Nói chung hành trang trên đường mình càng gọn, càng nhẹ thì càng thoải mái, càng đi xa.

Cho nên ở đây nói đến học Đạo thì phải nhớ hết những điều này giờ tôi nói. Chớ học Đạo mà quên những điều tâm niệm vừa rồi chỉ có một thêm thôi. Ở đây Ngài kể: “Này các tỳ kheo, có hạng người ít nghe Kinh điển, đây là Ứng tụng, là kiến thiết, bla bla bla...” tổng cộng là 9 phần.

Tôi mở ngoặc nói thêm chỗ này: xưa xưa thời Đức Phật thì Phật ngôn chia có nhiều cách lắm. Phật ngôn chia thành ba Tạng cũng có. Chia thành 9 phần như mình thấy ở đây cũng có. Hoặc chia thành hai là Tăng Pháp và Tăng Luật. Tăng Luật là nguyên Tạng Luật. Còn Tăng Pháp là Tạng Kinh và A-tỳ-đàm. Có chỗ kể Pháp và Luật thôi. Rồi có chỗ kể Ba tạng: Kinh, Luật và A-tỳ-đàm. Có chỗ kể là 9 phần, Cửu phần Giáo Pháp, tiếng Pali là “navangasatthusasana”.

Sasana: lời dạy.

Satthu: Đạo sư, tức là Đức Phật.

Navanga: 9 phần. Nava + anga = 9 phần.

Thì ở đây Ngài gom bài Kinh này. Có người nghe ít mà thu hoạch nhiều. Có người nghe nhiều mà thu hoạch ít. Nó y chang như chuyện mình ăn uống ngoài đời thôi. Có nhiều khi ăn cố vô rồi mửa, trong khi có những người ăn nhẹ nhàng mà họ lại khỏe quanh năm, cứ sáng cháo trắng, tối cháo trắng, trưa thì rau trái, hạn chế thịt đỏ, hạn

chế cholesterol. Cứ ăn uống thông minh, ăn những thứ cần chớ không phải những thứ thích thì tự nhiên nó khỏe thôi.

Học Đạo y chang vậy. Không phải mình ham chất vô cho nhiều, đó chỉ là ngày càng nuôi lớn cái tôi của mình, nuôi lớn cái hoài nghi, cái tà kiến thôi. Làm ơn coi lại dùm các Kinh Pháp Cú, Kinh Trung Bộ hồi nãy tôi nhắc nghe!

Bài kinh số 7: Chói sáng Tăng chúng

Ở đây Ngài nói đến Tứ chúng. Tứ chúng là những người tự tu và có trách nhiệm hộ Pháp và hoằng Đạo theo đúng tinh thần Phật Pháp. Hộ Pháp là hỗ trợ những người tu, người hoằng Pháp. Còn bản thân người cư sĩ đó cũng vẫn phải có trách nhiệm hoằng Đạo.

Hoằng Đạo là bản thân mình phải có kiến thức, có chánh kiến, có đạo hạnh, trước là để làm gương cho người khác, sau là có cái để nói cho người khác nghe. Nếu là người có mặt trong hàng ngũ Tứ chúng, tỳ kheo, tỳ kheo ni, thiện nam tín nữ, thành tựu được lý tưởng sống này: tự tu, hộ Pháp, hoằng Đạo, thì coi như người đó làm chói sáng “sanghasobhanati”, chói sáng hội chúng của Đức Phật. Sangha là hội chúng Đức Phật.

Còn có những người đi theo Đạo mang tiếng mấy chục năm mà tới hồi già ngáp ngáp là Giáo Pháp không biết gì hết. Mà tôi hỏi các vị, không học Giáo lý thì các vị tu cái gì? Sẵn đây các vị cho tôi nói một bữa. Phật tử mình hay bắt chước người ta nói là: “Học mà không tu là cái bị đưng sách. Học mà không tu là cái tử Kinh biết đi”.

Nhưng tôi nói thiệt, các vị có tất cả bốn hạng, nghe:

Hạng thứ nhất, học nhiều mà tu ít. Hồi nãy mình mới học xong đó.

Hạng thứ hai, tu nhiều mà học ít.

Hạng thứ ba, tu ít học ít.

Hạng thứ tư là học nhiều tu nhiều.

Thì các vị tướng tượng đi. Thà là học nhiều tu ít, ít ra cũng còn được cái chánh kiến. Thà là nó học nhiều tu ít mà ít ra khi có người hỏi nó biết đường nó nói. Nó hướng dẫn người ta vào Đạo. Tức là mình tu không được, mình cũng giúp người khác. Còn mình bắt chước người khác, không thêm học, cứ

Nói là “tôi lo tu thôi”, thì tôi xin hỏi các vị hai câu:

Một là không học, các vị biết cái gì mà tu?

Thứ hai, lỡ mai này có ai hỏi về Đạo, các vị sẽ nói cái gì?

Sao mình không nghĩ ra? Người mà học nhiều tu ít, ít ra cũng được hai cái lợi: một là nó có chánh kiến cho bản thân nó. Thứ hai là nó có thể giúp cho thằng Tèo, thằng Tí, nguyên cái dòng họ thằng Tèo, thằng Tí.

Chớ các vị chủ trương tu là không cần học nhiều. Vậy hai chuyện: là anh không học, anh lấy gì anh tu? Hai nữa là lỡ có ai hỏi là anh coi như anh ngọng! Nó kẹt như vậy đó!

Cho nên tôi nói, nếu đời sau kiếp khác, nếu tôi may mắn gặp mình sư thiện hữu, hành giỏi học giỏi, thì tôi xin lạy từ dưới lạy lên, từ trên tôi lạy xuống. Còn nếu mà bí quá thì thôi: “Cho con gặp cái người giỏi giang, có tu như con giỏi cũng được, miễn là họ có cái để dạy con. Chớ con ớn nhất là thứ lim dim lim dim mà cái đầu rỗng tuếch, chữ chưa đầy lá me mà cứ mở miệng ra nói giống như hiền Thánh, con sợ lắm!” Nhe!

Cho nên ở đây Đức Phật ngài dạy “chói sáng” là người nghe nhiều, học rộng về giáo pháp, rồi có cả thực hành mới có thể làm “chói sáng”. Còn tối thiểu cũng phải có một trong hai cái này. Có vậy mới làm chói sáng hội chúng của Thế Tôn, của chư Phật ba đời mười phương.

Chớ còn mình cứ nghĩ chuyện hoằng Pháp là của Tăng Ni, của người không tóc thì là không được! Không có việc gì mà Tăng Ni làm được mà cư sĩ không làm được. Nhớ nhe. Trong bài Kinh này Ngài nói trách nhiệm của cả bốn hạng này tương đương nhau. Có điều là tùy duyên, tùy điều kiện, tùy hoàn cảnh, tùy môi trường, vị trí, vị thế mà mỗi người có một kiểu tu hơi khác một chút, có kiểu hoằng Pháp và hộ Pháp khác nhau một chút, nhưng trên lý tưởng thì tất thấy Tứ chúng, mỗi người đều có trách nhiệm tự tu, hộ Pháp và hoằng Đạo.

Ba trách nhiệm: tự tu, hộ Pháp và hoằng Đạo là tất cả người có tóc và không tóc trong Giáo Pháp này tuyệt đối đều phải ra sức.

Mới đêm hôm qua tôi có đọc trong Chú giải của Tạng Luật, có một chỗ tôi rất thích, có nói thế này:

“Bằng trí tuệ mà chư Bồ tát và chư Phật các Ngài hiểu đời. Mà bằng đại bi các Ngài thương đời. Bằng đại trí các Ngài tự lo tu cho mình trước, lo cho đời sau. Nhưng bằng đại bi thì lo cho đời trước, lo cho mình sau. Còn nếu người vừa có trí có bi thì lúc nào làm được cho người thì làm, lúc nào làm được cho mình thì làm.”

Có nghĩa tinh thần Trí và Bi là phải liên tục và liên tục gắn liền nhau cầu giải thoát. Mình đừng nghĩ rằng tôi là cư sĩ, tôi không có trách nhiệm hoằng Pháp, hộ Đạo. Nếu cư sĩ nào cũng nghĩ như vậy thì trước mắt Tăng Ni sống bằng cái gì? Thứ hai, nếu 2.600 năm qua mà từng người cư sĩ nghĩ rằng hộ Pháp và hoằng Pháp là trách nhiệm của ai đó chớ không phải của tôi, thì Phật giáo hôm nay đã đi về đâu?

Mình phải nhớ rằng vì thế hệ trước có người đã chuyên tâm hành Đạo, hộ Pháp và hoằng Pháp, cho nên bây giờ mình mới có Phật Pháp để mình học và tu. Mình nhận được từ thế hệ trước thì mình có trách nhiệm giao lại cho thế hệ sau thì Giáo Pháp mới còn hoài ở đời. Nhe!

Ở đời này tôi nói không biết bao nhiêu lần. Bản chất đời sống là cho và nhận. Ai chỉ biết cho mà không biết nhận thì không xong. Chỉ biết nhận mà không biết cho cũng

không xong. Tôi nhắc lại, dầu muốn dầu không thì mỗi người có mặt trên đời này luôn luôn chỉ sống bằng “cho” và “nhận”.

Các vị nói với tôi: “Tôi không hề cho ai cái gì hết mà sao Sư ép tôi, Sư khẳng định là tôi có cho có nhận?”

Tôi nói các vị yên tâm. Các vị ích kỷ cỡ nào đi nữa thì mỗi ngày và mỗi giờ các vị đang trao ra và nhận vào đó. Các vị có cần tôi giải thích hay không?

Tôi ví dụ nghe. Thí dụ tôi chỉ biết có vợ con tôi thôi, tôi không biết ai hết. Thì chính kiểu sống ích kỷ của tôi nó cũng là một kiểu trao ra. Nó trao ra gì? Nó trao ra rác! Khi mà nhiều kẻ nó nhìn vào tôi bắt chước như vậy, rõ ràng là tôi đã trao cho nó cái gương xấu. Hoặc cái người tốt mà họ nhìn tôi họ thấy bực mình, thì như vậy tôi đã trao cho họ một món quà khó người, các vị nghe kịp không?

Tôi nhắc lại lần nữa. Dầu muốn dầu không, từng người trong vũ trụ này và vô lượng vũ trụ khác, dầu muốn dầu không, hễ có mặt trên đời này thì từ lúc sanh ra đến lúc chết đi chúng ta chỉ có sống bằng hai động từ thôi, đó là “cho” và “nhận”.

Vấn đề là mình có trí, mình nên nhận cái gì và không nhận cái gì. Và trao ra cũng nên biết lựa thứ mà trao, chớ không phải trao ra ba cái thứ trời ơi, nhận rồi người ta biết xài kiểu gì. Như bữa tôi có nói mình khác Phật chỗ nào? Ngài cho cái khó cho, còn mình cho cái khó xài. Đó, cẩn thận chỗ đó!

Mình trao ra cái mà khi người ta nhận người ta được lợi ích thì mới trao. Còn trao thứ tào lao thì đừng có trao. Tôi nhắc lại lần nữa, dầu anh không có ý trao ra thì anh vẫn từng phút anh trao ra cái này cái kia một cách ngoài ý muốn. Nhớ cái đó!

Người cư sĩ nào, người xuất gia nào nhớ được tinh thần đó thì đó mới chính là người làm chói sáng hội chúng của chư Phật.

Bài kinh số 8: Vô sở úy

Vô sở úy tiếng Pali là Vesarajja, nghĩa là “dũng khí, đảm lược”. Có nghĩa là chư Phật ba đời mười phương thành tựu được bốn cái này, nên các Ngài có thể đi vào trong tất cả hội chúng, từ hội chúng thấp nhất đến hội chúng cao cấp nhất trong tam giới, trong vô lượng vũ trụ, thì Ngài luôn luôn ở vị trí cao nhất, đứng đầu nhân thiên, thành tựu được bốn cái:

1. Sự chứng ngộ như thật.

Phàm phu mình có nổ là nổ với đệ tử, người đã tin, đã thương mình, chớ mình không dám nổ rộng rãi. Bởi vì nổ rộng rãi lỡ người ta thử thì sao?

Ôn Từ Đàm, tức hòa thượng Thiện Siêu lúc còn tại tiền. Có lần đó ni sư Trí Hải đến thăm. Ni sư cũng thưa chuyện này chuyện kia trong Đạo ngoài đời cho hòa thượng nghe. Rồi cũng trình lên hòa thượng, cúng cho hòa thượng một mớ sách của tác giả này, dịch giả nọ vậy đó.

Ni sư đưa sách xong rồi tự nhiên ni sư buột miệng nói: “Con thấy sao bây giờ thiền sư nhiều quá, như Ôn vậy cũng là thiền sư đó mà sao con chưa bao giờ nghe Ôn nhận chữ thiền sư?”

Thì Ôn cười nói: “Đâu có được. Người ta thích thì người ta kêu, chớ còn mình mà tự nhận kiểu đó bữa nào chúng hỏi mà bí kỳ lắm. Chết có ngày đó!”

Tại sao tôi biết được cái này? Là bởi vì tôi đọc tiểu sử hòa thượng do chính ni sư Trí Hải viết. Và tôi cũng nghe nhiều băng giảng của ni sư nên tôi biết câu chuyện này. Tôi thấy đây là một câu chuyện rất.

Đáng để quan tâm.

Ở đây, bốn Vô sở úy, cái đầu tiên là Chánh Đăng Giác. Khi mà Ngài tự nhận Ngài là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thì có nghĩa là Ngài không có cái gì Ngài không biết.

Bậc tự ngộ thì gọi là Sambuddho, Độc Giác, bậc Bồ đề gọi là Bích Chi Phật, hay Duyên Giác Phật. Nhưng bậc tự ngộ một cách hoàn hảo, cái gì cũng biết, thì gọi là Sammāsambuddho, Chánh Đẳng Chánh Giác. Chữ “sammā” đằng trước có nghĩa là “một cách hoàn hảo”. Cái gì Ngài cũng biết, phước lành nào Ngài cũng có.

Thí dụ, bậc tử Ngài nói là bậc nhất tài lộc, vị kia là bậc nhất thần thông, bậc nhất thiên nhân, tất thấy những bậc nhất đó thì cái gì cũng dưới Phật hết. Cái “nhất” nào cũng dưới Ngài hết. “Sammā” mà, cái gì Ngài cũng hoàn hảo, trọn vẹn!

Khi Ngài tự nhận, Ngài tuyên bố giữa bao nhiêu hội chúng rằng: Ta là vị Chánh Đẳng Chánh Giác. Ở đời thì một người tự nhận vậy là không được. Riêng trong vũ trụ chỉ có một trường hợp duy nhất, đó là vị Chánh Đẳng Chánh Giác, thì Ngài có quyền làm chuyện đó.

Ngài làm chuyện đó không phải để Ngài khoe, mà có trường hợp Ngài phải nói như vậy, vì lòng phàm có kẻ phải nghe như vậy họ mới chịu tin phục. Tức vì cái nào trạng của đối phương, của một đối tượng, họ cần nghe như vậy nên Ngài mới xác nhận. Thứ hai nữa là Ngài không còn “ta”, “của ta”, “tôi là”, “tôi”, “của tôi” nữa, mà Ngài chỉ nhận cái đó là vì lòng đại bi, vì chúng sinh thôi.

Cho nên Ngài thành tựu bốn pháp. Cái thứ nhất là Chánh Đẳng Chánh Giác, cái gì Ngài cũng biết và tự Ngài biết, vô sư tự chứng. Cái gì mà Ngài nói Ngài biết thì đúng như vậy. Ngài không có cái gì Ngài không biết hết.

2. Tuyệt đối không còn chút ít phiền não nào nữa.

Có nghĩa là vì lòng đại bi, mình dẫn thân vào đời hoằng pháp, nhưng phải nói có nhiều lúc đứng trước cám dỗ mình thấy đuối chớ không phải không. Tôi đi dạy học tôi bị cái đó.

Chẳng hạn kỳ rồi tôi đi Virginia, tự nhiên tôi là một con giò mà đem so với ngọn núi thì kỳ quá, nhưng giờ tôi phải đem chuyện tôi ra bà con mới hiểu chứ! Mình đi mình

giảng ào ào, mình nói tùm lum, mà trong đó có một nhân vật mà, trời ơi, con mắt nó dễ thương. Bây giờ tôi kể lại bà con nghe mà tôi còn thấy nhục. Con mắt dễ thương lắm, dễ thương! Mà cái “tên” đó biết chứ không phải không biết.

Cho nên cái ngày nào cái tên đó vô, chuyện đầu tiên khi tôi bắt đầu giảng, tôi mới vừa giảng chút đỉnh, chuyện đầu tiên tên đó vô liếc tôi một cái như để cúng dường pháp sư vậy đó. Liếc một cái xong mình bắt đầu nói tiếp. Mà lúc đó mình nghĩ trong bụng: “Trời đất ơi, mình pháp sư, mình dạy người ta giải thoát mà trong khi mình đang tìm nẻo đạo để mình sung sướng”. Cho tới bây giờ tôi vẫn còn thấy nhục bởi vì cặp mắt đó đẹp lộng lẫy.

Trong khi một vị đạt Vô sở úy thì trước cái ngọ Ngài không có cảm giác, mà trước cái đặng Ngài cũng không cảm giác. Trời ơi, các vị biết trong kinh kể có nhiều nhân vật mà nó lưu manh từ trong trứng nước. Trước Phật mà nó ăn nói xúc xiểm, phạm thượng, vô lễ, hỗn hào, mà Thế Tôn trước sau như một.

Khi Ngài đang giảng như vậy, bao nhiêu công hầu khanh tướng, thương gia, tướng quân, đại gia vào quỳ dưới chân Ngài, nét mặt không thay đổi. Một lát sau, cái anh trời ơi đất hời vào đứng chống nạnh xỉa xói Ngài, Ngài cũng vẫn y như vậy, không hề biến sắc.

Điểm này, những bậc tôn sư nhất đại, tôn sư của thế giới bây giờ như Đạt Lai Lạt Ma, hòa thượng Nhất Hạnh, tôi e rằng không có được cái đạo phong này. Nhưng mà Thế Tôn thì dư sức. Có nghĩa là có bao nhiêu vị Phạm thiên quỳ dưới chân Ngài, có bao nhiêu hoàng đế, khanh tướng quỳ sụp dưới chân Ngài, Ngài vẫn không hề biến sắc. Vua Ba-tư-nặc lấy môi chạm dưới chân Ngài, nét mặt vẫn vậy, không hề gợn một thay đổi. Bà Cincā ôm nguyên cái bụng bầu, chống nạnh phỉ báng Ngài, Ngài cũng lạnh ngắt, không một chút biến sắc.

Vì sao? Vì Ngài không còn phiền não nữa!

Có một lần, một ông tìm đủ cách xúc xiểm phạm thượng Ngài, Ngài vẫn kiên nhẫn lắng nghe. Ngài giải thích cho ông nghe, cuối cùng Ngài nói thế này:

“Người có thấy không. Trong khi người thay đổi tâm trạng từ lúc này sang lúc khác, mà riêng Như Lai từ lúc này đến giờ Như Lai không có như người”.

Thì tôi kể chỗ này hơi kỳ, nhưng trong kinh nói sao tôi cho các vị nghe như vậy. Đức Thế Tôn dùng thần thông cho ông thấy Ngài không có một tí mồ hôi trên trán như ông này giờ ông đang nổi điên lên.

Cho nên cái thứ hai là đẳng ngọt cuộc đời như thế nào thì chư Phật luôn luôn tự tại, bất động, không vì đẳng, vì ngọt mà biến sắc, mà thay đổi.

Còn cái thứ nhất là chứng ngộ của Ngài là thứ thiệt. Thứ thiệt là bởi vì không phải ngẫu nhiên mà Ngài đã tu tập bao nhiêu a-tăng-kỳ đại kiếp, huân tu bao nhiêu phước báo, hạnh lành, công đức. Bao nhiêu lần Ngài dắm vì chúng sanh khác mà Ngài chết. Bao nhiêu lần vì hạnh lành bố thí, vì hạnh trì giới, vì hạnh nhẫn nhục, vì lòng đại bi mà Ngài chấp nhận cái chết một cách thanh thản.

Vô số lần như vậy thì các vị tưởng tượng cái kiếp cuối cùng công viên quả mãn, chưa nói đến chuyện chứng đắc, chỉ riêng thói quen tu hành nhiều đời nhiều kiếp thì Ngài đã là con người như thế nào. Trong kinh nói, đại trí như ngài Xá Lợi Phất, đầu đà như ngài Ca Diếp, mà gặp Thế Tôn là chỉ biết cúi đầu dập trán xuống chân Ngài thôi. Nói đến trí là ngài Xá Lợi Phất hơn ai hết, Ngài hiểu Thế Tôn là vĩ đại cỡ nào. Mà nói đến ly dục thì hơn ai hết ngài Ca Diếp hiểu Thế Tôn ly dục cỡ nào. Cho nên cái thứ hai là Ngài không còn phiền não nữa.

3. Cái gì mà Ngài kêu bỏ thì dứt khoát điều đó phải bỏ.

Trong Chú giải nói: “Chẳng hạn như tình cảm nam nữ, chư Phật ba đời luôn luôn đưa quan hệ nam nữ lên thành giới hàng đầu ở trong giáo pháp”.

Người không biết đạo rất lấy làm lạ ở chỗ: tại sao Ngài nói bao nhiêu cái bất thiện ghê gớm trên đời, rồi Ngài giải thích bao nhiêu công đức hạnh lành trên đời này, nhưng mà hễ nói tới chuyện tu hành đối với hàng xuất gia, trong tứ chúng Ngài đưa tỳ-kheo lên vị trí số một, đời sống vị tỳ-kheo Ngài đưa vấn đề nam nữ lên hàng số một.

Ngài có lý do. Tại sao Ngài cấm tỳ-kheo không được thế này, không được thế kia, Ngài có lý do. Trong khi những vị đạo sư khác thì điều họ cấm nhiều khi không nhất thiết phải cấm. Cái điều họ cho nhiều khi không có nên cho phép. Nhưng Thế Tôn, bậc Chánh Đẳng Giác, thì không.

Chú giải

Ngài nói cái gì là pháp trở ngại cho chứng đắc thì cái đó dứt khoát phải bỏ. Có những giới nhỏ xíu xiu như giới tác ác hay giới ác ngữ. Thí dụ, vị tỳ kheo không nên “chọc cù lét” bạn tu của mình; vị tỳ kheo không nên ném đất, không nên giẫm nước, xuống nước đập bùm bùm, tát, đùa nhau vậy đó, trong Luật cũng cấm. Thậm chí những giới nhỏ như tác ác cũng có thể cản trở cho việc đắc chứng Đạo quả.

Có câu này mới ghê nè: “Tuy nhiên, pháp trở ngại nhấn mạnh ở đây là methunadhammo”, là quan hệ nam nữ. Có nghĩa là cái gì Thế Tôn kêu tránh là dứt khoát phải tránh, vì nó sẽ cản trở, sẽ gây trở ngại cho Phật pháp.

Rồi ở đây, adhippeto là nhắm về, nhắm thẳng, trở hay là nhắm. Nhắm thẳng cái gì? Vấn đề nam nữ. Là vì sao? Vì dẫu với bất cứ ai đi nữa, nissamsayameva là chắc chắn rằng quan hệ nam nữ nó sẽ là maggaphalanam antarayo hoti, là gây trở ngại cho Đạo quả. Cái này quan trọng lắm nghe. Phải học thuộc lòng:

“Trong bốn chúng, tỳ kheo là quan trọng nhất. Mà trong đời tu của tỳ kheo thì cái giới liên hệ nam nữ là quan trọng nhất”.

Bởi vì sao?

Chỗ này phải mở ngoặc một chút. Trong ba giới, Dục giới là thấp nhất. Trong Dục giới, vấn đề tính giao là đặc trưng và cũng là vấn đề nặng nề nhất. Trong Chú giải ghi rất rõ, từ cõi người gồm có bàng sanh, súc sanh cho tới Đạo Lợi có kiểu quan hệ tính giao giống nhau. Cõi Dạ Ma chỉ ôm nhau là xong. Đâu Suất chỉ cầm tay nhau là xong. Hóa Lạc Thiên chỉ mỉm cười với nhau. Tha Hóa Tự Tại Thiên chỉ nhìn nhau bằng ý dục nhiệm là xong. Ở Phạm thiên không có ý niệm phái tính, tức là từ Sơ thiên trở lên.

Điều này có nghĩa trong ba giới: Dục, Sắc và Vô sắc giới thì Dục giới là thấp nhất. Mà trong Dục giới, điểm đặc trưng là vấn đề nam nữ. Cho nên mình có thể ăn ngon mặc đẹp, nhà lầu xe hơi, cái gì đi nữa, nhưng mà hễ còn ý niệm nam nữ là mình chắc như đinh đóng cột là mình phải quay trở lại thôi. Bởi vì đó là hình thức hưởng dục u mê mà thấp kém, thô thiển nhất. Cho nên cái gì Ngài kêu bỏ thì dứt khoát cái đó phải bỏ. Trong Chú giải nói thêm: chẳng hạn như các pháp trở ngại là vấn đề nam nữ.

Đạo Ngài là con đường giải thoát duy nhất, không thể nói khác được

Bao nhiêu vị đạo sư có nói cuối cùng cũng không trưng dẫn, không chứng minh được cái đạo đó là dẫn đến giải thoát. Riêng Giáo pháp chư Phật nói chung và của Thế Tôn nói riêng đúng là con đường giải thoát, gọi là samma dukkhakkhaya, là con đường thoát khổ.

Dukkhakkhaya: diệt khổ = dukkhantakiriya.

Có nghĩa Giáo pháp của chư Phật có nội dung chấm dứt đau khổ. Tu ít bớt khổ ít, mà tu nhiều bớt được khổ nhiều. Mà tu tới nơi thì dứt hẳn đau khổ. Có nghĩa mình bớt tí phiền não là bớt khổ. Bớt tham, bớt thích là bớt khổ. Hễ bớt thích thì là bớt ghét, sợ. Tất cả đau khổ trên đời đều do ghét, sợ mà ra. Trong room có hiểu câu này không ta?

Tôi hỏi các vị có phải bị sạm thẹn là đau khổ không? Nó đau quá, mình không muốn mà mình vẫn bị. Sợ ma, sợ chuột, sợ rắn, sợ sanh ly tử biệt, sợ tan nhà nát cửa, sợ thân bại danh liệt, sợ thiên tai nhân họa, sợ bệnh hoạn, sợ tai tiếng, bla bla bla... Tất

cả điều mình gọi là khổ đó là những thứ mình ghét, sợ. Mà những thứ ghét, sợ đó đi ra từ đâu? Dạ, nó đi ra từ cái tham, thích. Do có tham thích mới có ghét sợ. Chính vì cái mình phải chấp nhận, phải chịu đựng, đương đầu, đối phó với cái ghét sợ, mình gọi nó là đau khổ. Học đạo để mình có những định nghĩa rất kỳ quái về hạnh phúc và đau khổ.

Như vậy, Thế Tôn nói riêng và chư Phật ba đời mười phương nói chung có được khả năng tự tại đi vào tất cả các hội chúng là bởi vì các Ngài có được bốn pháp Vô sở úy này:

1. Sự chứng ngộ của các Ngài là có thật. Cái gì Ngài cũng biết hết. Căn cơ chúng sanh cỡ nào cũng biết, từ một con trùn, con dế cho đến vị đại Phạm thiên cõi cao nhất. Ngài chỉ nhìn qua, Ngài biết người này thiện nhiều ác ít, thiện ít ác nhiều, người này cần nghe cái gì thì đặc, người này cần được hướng dẫn ra sao để đặc quả, người này là người không thể độ được, người này là người có thể độ được, nếu độ được thì độ kiểu gì, Ngài biết. Đó là bậc Chánh Đăng Giác.

2. Các Ngài là người hoàn toàn không có phiền não. Với tư cách hoàn toàn không có phiền não, các Ngài hoàn toàn thanh tịnh, tự tại đi vào tất cả hội chúng. Đạo Ngài là đạo chấm dứt phiền não, bản thân Ngài là người không có phiền não.

3. Cái gì Ngài kêu bỏ thì dứt khoát cái đó phải bỏ. Đó là điểm đặc biệt. Những vị đạo sư khác không có khả năng thứ ba này. Các vị trong room có thể nghe hơi mơ hồ. Vị đạo sư giỏi nhất trong Tam giới nếu không biết Phật pháp thì khả năng cao nhất chỉ dạy đến tầng Phi tưởng phi phi tưởng. Nghĩa là dạy đệ tử đắm mê trong đó. Riêng Phật dạy người ta ở mọi trình độ thành Phật như Ngài, hoặc chỉ là một người có lòng cầu giải thoát. Điều đặc biệt là Ngài luôn dạy: “Mọi thứ không có gì để đắm mê, ôm ấp”. Bởi cái gì trên đời này cũng đều vô ngã, vô thường hết.

Bài kinh Khát ái

Khát ái có nghĩa là niềm đam mê, tham ái. Chỗ này nếu không nghe giải thích, các vị sẽ thấy rất thường, nói: “Chuyện mấy ông sư mắc mới gì mình”. Nhưng mà không. Bài kinh này lớn chuyện kinh khủng lắm! Nội dung bài kinh là: “Phàm phu luôn tùy hoàn cảnh mà tham đắm những gì mình có”.

Bữa hôm tôi có nói rồi, Đức Phật ngài dạy: “Này các tỳ kheo, có những tỳ kheo do phước đời trước mà đời này sanh ra đi xuất gia có được sự hộ độ cúng dường đầy đủ từ các cư sĩ, và vị này tham đắm, đam mê trong ấy. Ta nói rằng nếu vị ấy nhận không có đam mê thì đúng là một người cầu giải thoát đang nhận được sự hỗ trợ tu hành”. Nhớ nhe! Nếu nhận mà không có lòng đam mê trong đó thì coi như mình đang nhận sự hỗ trợ tu hành. Nhưng nếu một tỳ kheo mà nhận sự hỗ trợ vật chất mà có lòng đam mê thì Ngài nói “giống như một con giòi mà nó đam mê trong đồng phân của nó”. Cái này là nguyên văn trong Kinh, chứ tôi không dám thêm, nhe!

Ở đây cũng vậy, một người đã xuất gia rồi, dĩ nhiên tôi đang nói tỳ kheo thời nguyên thủy, không phải tỳ kheo thời nay, thì đời sống vị đó có bốn thứ thôi. Đó là ăn, mặc, ở và thuốc men trị bệnh. Thời đó, quý vị đọc trong Kinh, có người đọc thấy ngạc nhiên, có người đọc thấy thương, có người thấy coi thường, thì tùy. Trong Kinh kể nhiều vị tỳ kheo được cúng dường bữa ăn mà ngon miệng là đủ hạnh phúc rồi.

Có nhiều khi đi bát cả mấy tháng trời toàn ăn “tào lao bí đao” không, ăn rau muống, khoai lang luộc, tự nhiên có một “tên” nào trên trời rớt xuống, bữa đó rước về nhà cho ăn một bữa thịnh soạn đủ chất.

Có vị tỳ kheo chỉ nhận được đôi dép thôi, quý vị, đôi dép mềm mang được là vui cả buổi chiều. Nghe thương lắm! Bởi vì đời sống các vị tỳ kheo nguyên thủy là từ bỏ 100%. Thậm chí cái vật dụng tùy thân của một tỳ kheo nguyên thủy không quá 5 kí lô. Là gồm tam y, cái bình bát, cái dao cạo tóc, cái ống đựng kim chỉ, miếng vải để lọc nước và cộng dây lưng. Có bao nhiêu đó thôi. Cái lọc nước là để đi đâu không biết, cứ có nước thì lọc trước rồi mới uống sau. Gia tài cộng lại có tám món đó, coi như không quá 5 kí lô. Dễ sợ vậy!

Cho nên lâu lâu có một bữa ăn, lâu lâu được cúng lá y tốt, lâu lâu được mời ở trong một cái phòng, cái liêu, cái cốc mà nó hơi sạch sẽ, hơi gọn gàng, đẹp mắt một chút là cũng đủ cho vị đó hạnh phúc rồi, quý vị. Đó là của người ta. Chớ nếu mỗi tỳ kheo đứng ra cất một cái cốc thì mỗi một cạnh không được quá 3 mét.

Thì bài kinh này nói về tỳ kheo, mới đọc sơ qua mình thấy không có gì để ý. Nhưng nội dung thực sự là: “Phàm phu dễ dàng chạy theo hoàn cảnh để đắm mê những gì mình có”.

Hôm qua tôi nói rồi, hễ mình còn phàm phu thì mình sanh ra là đại gia, mình đắm mê tòa lâu đài của mình. Nhưng mình sanh ra làm người nông dân nghèo đói ở vùng khi ho cò gáy thì mình chỉ đắm đuối cái chòi vịt với năm ba chục con vịt thôi. Sáng sáng ra bờ ruộng lượm trứng, chắt đó, mai chiều ai ra chợ gửi bán, mua thêm gạo, mua mắm, mua muối. Cái áo rách bầy hết trơn, cái nón lá cũng không lành nữa mà chỉ có cái chòi vịt.

Lâu lâu quen một hai cô gặt lúa, rồi nấu chè, nấu cháo đãi nhau ăn, rồi nhìn, háy, nguýt, lườm, liếc, rồi từ đó mến thương. Rồi cứ vậy đó, cái vui nhà quê có cái chòi vịt thôi mà nó hạnh phúc. Thậm chí mình có cái cọc vé số, chiều chiều về ghé quán đầu hẻm làm tô cháo là hạnh phúc lắm, các vị có biết không?

Trong kinh kể hồi xưa, một buổi trưa nắng, ông vua ổng ngồi trong cung mà nắng nóng quá nóng. Mấy cô cung tần mỹ nữ xinh đẹp đứng hầu quạt cho ổng mà ổng cứ ngáp lên ngáp xuống, mà ruồi nó cứ bu. Trời nó nóng nực, gái gú với ổng lúc đó không nghĩa lý gì hết.

Thì ổng nhìn ra đường thấy một chàng thanh niên đầu trần chân đất, áo quần tả tơi, rách nát, gánh hai cái thùng không mà vừa đi vừa huýt sáo ca hát. ổng thấy ngạc nhiên. ổng nói mình trong đây có đủ thứ mà trời nóng mình chịu không nổi. Còn cái thằng này bị tâm thần hay sao mà đầu trần chân đất giữa nắng nóng mà sao vui quá vậy. ổng sai lính hầu ra lôi thằng này vô cho ổng hỏi chuyện.

Vua mới hỏi:

“Trời nóng vậy, ta ở đây chịu không nổi mà sao người ở ngoài đó vui quá vậy?”

Ảnh mới nói:

“Tâu bệ hạ, con đi gánh nước mướn nhiều năm rồi. Cứ một đồng một cắc, ba xu bốn hào con dành dụm khi nào đủ hai đồng vàng thì đi lấy vợ. Con để ý lâu rồi mà không có tiền, giờ bữa nay là đủ rồi nên con vui”.

Ông nghe vậy mới nói:

“Vậy bây giờ ta cho người 1.000 đồng, chắc người còn điên lên?”

Ảnh mới nói:

“Dạ đúng rồi, bệ hạ cho con 1.000 chắc con điên sống không nổi”.

Ông vua nói thêm:

“Một ngàn mà điên, thôi giờ ta cho người đất nước này ta chia hai, người một nửa ta một nửa chắc người mất trí luôn. Nhưng mà đất nước này hai phần, một phần giáp biển, một phần giáp đất liền, vậy nếu ta chia thì Khanh chọn phần nào?”

Ảnh mới gãi đầu nói:

“Dạ con dốt địa lý, con đâu biết biển nằm đâu, đất liền nằm đâu. Nhưng con sẽ lấy phần nào có chôn hai đồng tiền vàng của con đó!”

Các vị thấy dễ sợ chưa? Bao nhiêu năm ảnh gánh nước mướn để dành, giấu hai đồng vàng nằm ở đâu thì bây giờ một nửa lãnh thổ ảnh chọn phía nào có hai đồng vàng đó. Có nghĩa là:

“Cầm vàng mà lội qua sông.

Vàng rơi không tiếc, tiếc công cầm vàng”.

Nhiều khi nó không có gì để tiếc mà chỉ tiếc cái công thôi, quý vị.

Còn có câu chuyện này tôi kể hoài mà tôi vẫn còn thích. Thời Cộng sản Đông Âu chưa rã, có ông cán bộ béo phì, phốp pháp. Buổi trưa ông mới mua bàn ghế đắt tiền mà nhìn quanh không có người khiêng. Ông thấy một “đồng chí phó thường dân” đang gánh rơm đi trên đường, ông tới ông kêu:

“Bây giờ đồng chí gánh nguyên gánh rơm này được bao nhiêu?”

“Dạ chừng 5 đồng”.

Thì cán bộ mới lấy 7 đồng đưa ông, nói:

“Bây giờ tui mua đồng rơm này của đồng chí 7 đồng có được không?”

“Dạ được quá, nó chỉ đáng 5 đồng thôi mà”.

Ông mới nói:

“Nhưng có điều không phải tôi mua đây là mua đồng rơm, mà tôi mua cái sức của đồng chí thôi. Bây giờ đồng chí để đồng rơm ở đây, tới khiêng cái đồ đắt tiền này về nhà cho tôi”.

Thì anh nông dân này mừng quá, đồng ý. Thay vì bán đồng rơm 5 đồng, giờ được 7 đồng, mừng lắm. Nhưng khi ông cán bộ này đi một đôi, thấy anh nông dân đứng lại cứ ngoái đầu, ông mới hỏi:

“Còn cái gì nữa mà nhìn? Đồng chí nhìn gì vậy?”

Thì ông nông dân mới nói:

“Dạ báo cáo đồng chí, tôi bán đồng rơm 5 đồng mà được 7 đồng là coi như lời to. Tối nay về vợ tôi thế nào cũng có thưởng, nhưng có điều công tôi đi góp, đi lượm rơm từ sáng giờ trên đồng xa lắm, mà nắng nôi đói khát, giờ tự nhiên để nó nằm đó lòng thấy không cam!”

Các vị thấy dễ sợ chưa?

Nhiều khi cái lòng phàm mình nó nắm nứ, nó tiếc nhiều cái vô lý lắm, quý vị biết không?

Thì tôi kể một vòng lạc đề để quay lại Chánh Kinh. Nội dung bài kinh này nói đã là phàm phu thì nó tìm đủ cách để nắm nứ, tiếc nuối, luyến lưu hết cái này tới cái khác. Con giò thì tiếc đông phân, đại gia thì tiếc lâu đài, thằng nhà quê thì tiếc chòi vệt. Như tôi giờ các vị hỏi tôi tiếc cái gì? Tôi tiếc nhiều thứ lắm. Một cái quen biết qua đường trong một buổi giảng nào đó, một con dao mòn lẩn mình mua được ở một tiệm đồ cũ mình xài rất vừa tay, v.v... và v.v... rất là nhiều, đã là phàm mà.

Phàm phu thì mình nhớ chừng thế này: Toàn bộ giáo Pháp chư Phật ba đời chỉ nhằm tới việc lìa bỏ. Ta khổ là vì ta không có cái gan để lìa bỏ cảnh giới mình đang có mặt. Chỉ vậy thôi! Cõi Dục chán cõi Dục. Cõi Sắc chán cõi Sắc. Cõi Vô sắc biết chán cõi Vô sắc. Và có cái thân này biết chán sợ nó. Bởi vì nó chỉ là sự hiện hữu của những gì chớp nhoáng, phù du, do duyên mà có, có rồi phải mất. Đó là nội dung bài kinh này.

Ok, cũng rất là mệt nhưng ráng tới đây là đã giỏi cực kỳ rồi. Ngày mai mình học tiếp. Một cái sau dễ ợt à.

Mấy cái ách, cái “yoga” nghĩa đen của nó là cái người ta mắc lên mình mấy con bò, con trâu để nó đi cày, đi kéo xe. Còn nói nghĩa tinh thần là chỉ những thứ phiền não nó máng lên cổ mình thì mình cứ mãi hoài cày xới. Một dòng đời cày xới nỗi buồn trên cánh đồng sanh tử.

Phật Pháp có nhiều từ ngữ, khái niệm nó thơ mộng. Nó thơ mộng đến mình đọc mình phải chảy nước mắt. Bởi vì nó là sự thơ mộng mĩa mai trên phận đời dâu biển của mình, các vị biết không?

Tại sao Ngài xài chữ “ách”? Tại vì các con, trong bao nhiêu kiếp luân hồi, các con là những con bò nhọc nhằn một đời cày xới nỗi buồn, cày xới trên cánh đồng nước mắt

của cuộc tử sanh, bằng cách là trên lưng các con luôn luôn máng bốn cái ách này:

Ách một là Dục ách, là thích tùm lum, muốn hưởng cái này cái nọ.

Ách thứ hai là Hữu ách, là muốn sống hoài.

Kiến ách là ghim sâu trong những nhận thức sai lầm. Đừng nói những người không biết chữ không có nhận thức. Kẻ không biết chữ có kiểu nhận thức của người không biết chữ. Anh giáo sư đại học thì anh có kiểu nhận thức của anh. Cả hai anh này đều có khả năng ghim sâu, cắm chặt trong nhận thức của mình. Cái đó gọi là Kiến ách.

Thứ tư là Vô minh ách, là do không hiểu Bốn Đế nên đời đời có mặt để mà cày sâu cuốc bẫm trên cánh đồng sanh tử. Không biết mình khổ nên đầu tư cái khổ. Có nghĩa là mình không thấy được kiếp đời nông thôn nó đọa đầy cỡ nào. Không thấy kiếp đời mặn mồ hôi, tanh nước mắt, tanh máu trên cánh đồng sanh tử, để rồi tiếp tục chấp nhận đời nông dân trên cánh đồng sanh tử ấy. Cứ cày xới, cày xới, cày xới... gieo hạt Tập đế trên cánh đồng Khổ đế. Tức là thấy khổ quá, nên trốn cái khổ này bằng cách chui đầu vô cái khổ khác. Mà tại sao chọn khổ A mà không chọn khổ B, không theo khổ B? Là bởi vì thích cái khổ A, có nghĩa là khát nước mà đi uống nước muối.

Cho nên bốn cái ách:

Dục ách: muốn hưởng cái này cái kia.

Hữu ách: muốn có mặt chỗ này chỗ nọ.

Kiến ách: chìm sâu trong những nhận thức sai lầm gồm có thường và đoạn. Các vị đừng coi thường ông thứ ba này. Nhận thức sai lầm là đã chết rồi, còn lại đam mê, đắm đuối trong đó. Tôi nhớ một nhà thơ người Canada bả có câu này hay lắm: “Thằng ngu tôi còn chịu nổi nó, nhưng cái thằng tự hào vì cái ngu của nó thì tôi bó tay”. Tức là mình thấy sai đã ớn rồi, đằng này mình lại ghim sâu, găm chặt trong cái sai đó thì chỉ có trời cứu thôi. Các vị nhớ nhe!

Vô minh ách là cái ớn nhất. Vô minh đây là không biết Bốn Đế là gì. Không biết Bốn Đế là gì cho nên tiếp tục trốn cái khổ này bằng cách đút đầu vô cái khổ khác.

Rồi, chúc các vị một ngày vui, một đêm an lành. Ngày mai mình gặp lại nhau.